TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PT** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 21-12-2017
V/v tranh chấp về "Hôn nhân và Gia đình - Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PT, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hữu Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Tám.
2. Ông Nguyễn Văn Ngân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang *tham gia phiên tòa*: Ông Lê Hữu Đức – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2018, tại Tòa án nhân dân huyện PT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 289/2017/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp về *"Hôn nhân và Gia đình – Ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 09 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị L, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 11, ấp BT B, xã VC, huyện TS, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Anh Thái Văn T, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 13, ấp PT, xã PTh, huyện PT, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 22 tháng 8 năm 2017, nguyên đơn là chị Trần Thị L trình bày:

Vào năm 2009, sau khi tìm hiểu nhau về tình cảm, chị với anh Thái Văn T tổ chức lễ cưới thành vợ chồng, đến năm 2012 thì đăng ký kết hôn và được UBND xã PTh, huyện PT cấp giấy chứng nhận ký kết hôn số 60/2012 ngày 12 tháng 6 năm 2012. Sau khi thành vợ chồng, thời gian đầu anh chị chung sống với nhau có hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác từ đó thường xuyên đánh đập hành hạ chị, do không thể nào tiếp tục sống chung được nữa nên cuối năm

2013 chị đã bỏ đi về nhà cha mẹ ruột sinh sống, vợ chồng chính thức ly thân cho đến nay.

Về con chung của vợ chồng: Quá trình chung sống, chị với anh T có 01 con chung tên Thái Trần Trọng Ti, sinh ngày 16/7/2013, hiện do anh T nuôi dưỡng từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay.

Về tài sản chung và nợ phải thu, phải trả chung của vợ chồng: Không có.

Nay chị yêu cầu giải quyết như sau:

Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung của vợ chồng: Đồng ý để anh T được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Thái Trần Trọng Ti, sinh ngày 16/7/2013, chị không phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung; Về nợ phải thu, phải trả chung của vợ chồng: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị L còn có yêu cầu được vắng mặt tại phiên tòa do bận làm ăn xa.

Anh Thái Văn T đã được Tòa án niêm yết Thông báo thụ lý vụ án nhưng vẫn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Tih đến tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải đến lần thứ hai; triệu tập đến tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng anh vẫn vắng mặt, không rõ lí do.

Tại biên bản xác minh lời khai ngày 02/03/2018 của Tòa án nhân dân huyện PT đối với ông Thái Văn Giàu trình bày:

Ông là cha ruột của anh Thái Văn T và là cha chồng của chị L, vào năm 2009, T và L được sự đồng ý của cha mẹ hai bên nên thành vợ chồng, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn. Sau khi thành vợ chồng, T và L phải đi làm thuê đến 02 năm sau mới trở về chung sống tại nhà của ông được vài tháng thì tiếp tục bỏ đi lên tỉnh Bình Dương để làm ăn, từ đó không trở về nữa. Quá trình vợ chồng chung sống, T thường xuyên cãi nhau với vợ, cuộc sống không hạnh phúc. Theo ông thì T không biết trân trọng mà bỏ mặc, không quan tâm, chăn sóc cho L nên L yêu cầu được ly hôn với T thì Tòa án quyết định cho ly hôn.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên phát biểu về quá trình tiến hành tố tụng như sau:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án tiến hành thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án cũng như ban hành văn bản tố tụng, cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng đúng quy định; Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định, tuy nhiên đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập nhiều lần trong suốt quá trình giải quyết vụ án vẫn vắng mặt không lý do, cho thấy bị đơn không chấp hành nghĩa vụ tố tụng dân sự theo quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với bị đơn. Bị đơn được Tòa án triệu tập, niêm yết hợp lệ vẫn không có mặt nên không ghi nhận được ý kiến của bị đơn. Hôn nhân giữa chị L và anh T là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống bình thường đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn nên vợ chồng ly thân đến nay. Trong khoản thời gian anh chị mâu thuẫn không tự hàn gắn. Về con chung là cháu Thái Trần Trọng Ti, sinh ngày 16/7/2013 đang do anh T nuôi dưỡng. Vì vậy, yêu cầu của nguyên đơn về hôn nhân và đồng ý để anh T tiếp tục nuôi con chung là có căn cứ. Về cấp dưỡng nuôi con, tuy chị L không đồng ý cấp dưỡng nuôi con nhưng nghĩa vụ và trách nhiệm nuôi con là của cha mẹ, theo quy định của luật thì người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, vì vậy đề nghị xem xét nên buộc chị L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Chị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T nên quan hệ tranh chấp của vụ án là *"Hôn nhân và Gia đình - Ly hôn"* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: Anh T với tư cách là bị đơn trong vụ kiện có nơi cư trú tại ấp PT, xã PTh, huyện PT, tỉnh An Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang.

Chị L có yêu cầu xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy, sự vắng mặt của anh không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của anh và không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh T tổ chức lễ cưới vào năm 2009 và đã đăng ký kết hôn vào năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã PTh nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Xét thấy, vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ cuối năm 2013 cho đến nay hai bên không quan tâm, chăm sóc, L lắng cho nhau nên đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt

được. Vì vậy, chị L yêu cầu được ly hôn với anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nghĩ nên chấp nhận.

Về con chung: Chị L xác định chị và anh T có một đứa con chung tên Thái Trần Trọng Ti, sinh ngày 16/7/2013, sau khi vợ chồng ly thân do anh T nuôi dưỡng. Nay chị L cũng đồng ý giao cháu Ti cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, chị không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, dưới sự chăm sóc, giáo dục của anh T, cháu Ti đang sinh sống ổn định. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, xử giao cháu Ti cho anh T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tuy không ghi nhận được ý kiến của anh T là có yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con hay không nhưng vì quyền lợi của cháu Ti và theo quy định của Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *"Cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên, con đã thành niên không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình trong trường hợp không sống chung với con hoặc sống chung với con nhưng vi phạm nghĩa vụ nuôi dưỡng con"*, xét thấy cần buộc chị L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi còn là phù hợp. Về mức cấp dưỡng, phương thức cấp dưỡng, tại khoản 1 Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình về mức cấp dưỡng quy định: *"Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết"*. Tại Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình về phương thức cấp dưỡngquy định: *"Việc cấp dưỡng có thể được thực hiện định kỳ hàng tháng, hàng quý, nửa năm, hàng năm hoặc một lần"*. Do các đương sự không thỏa thuận được với nhau về mức cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử quyết định buộc chị L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 650.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng được Tih kể từ ngày tuyên án là ngày 26/3/2018 cho đến khi cháu Ti đủ 18 tuổi, trừ trường hợp thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con hoặc thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật; mỗi tháng cấp dưỡng một lần, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

[3] Về án phí:

Yêu cầu ly hôn của chị L được chấp nhận nên chị phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền

tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0016153 ngày 02/10/2017 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện PT, tỉnh An Giang. Anh T không phải chịu án phí.

Chị L phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, khoản 1 Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1/. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Trần Thị L được ly hôn với anh Thái Văn T.

2/. Về con chung:

Chị L giao cháu Thái Trần Trọng Ti, sinh ngày 16/7/2013 cho anh T tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành, trừ trường hợp thay đổi quyền nuôi con theo quy định của pháp luật. Chị L có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cấm.

Chị L phải cấp dưỡng nuôi cháu Ti mỗi tháng là 650.000 đồng (sáu trăm năm mươi nghìn đồng) cho đến khi cháu Ti đủ 18 tuổi, trừ trường hợp thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con hoặc thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật. Thời gian cấp dưỡng được tính kể từ ngày tuyên án là ngày 26/3/2018, mỗi tháng cấp dưỡng một lần, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3/. Về án phí:

Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0016153 ngày 02/10/2017 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện PT, tỉnh An Giang. Anh T không phải chịu án phí.

Chị L phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo Tih từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Hữu Nghĩa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Cơ quan Thi hành án huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã, phường, thị trấn;
- Lưu.